



**Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm
Thuận - Đa Mi**

**Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017**

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thông tin về Công ty

Quyết định thành lập số	327/QĐ-EVN	ngày 24 tháng 5 năm 2010
	Quyết định thành lập do Tập đoàn Điện lực Việt Nam cấp trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi).	
Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số	5800452036	ngày 18 tháng 5 năm 2005
	Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 6 tháng 7 năm 2017. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp.	
Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Trọng Oánh Ông Lê Văn Quang Ông Đỗ Minh Lộc Ông Nguyễn Quang Cường	Chủ tịch Thành viên Thành viên (từ ngày 14 tháng 6 năm 2017) Thành viên (đến ngày 14 tháng 6 năm 2017)
Ban Tổng Giám đốc	Ông Lê Văn Quang Ông Nguyễn Trọng Oánh Ông Lê Văn Quang Ông Đỗ Minh Lộc	Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 7 năm 2017) Tổng Giám đốc (đến ngày 1 tháng 7 năm 2017) Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 30 tháng 6 năm 2017) Phó Tổng Giám đốc
Ban Kiểm soát	Ông Ngô Thế Long Ông Hoàng Văn Long Ông Hà Minh Tiến Ông Nguyễn Tiến Dũng	Trưởng ban Thành viên (từ ngày 14 tháng 6 năm 2017) Thành viên (đến ngày 14 tháng 6 năm 2017) Thành viên
Trụ sở đăng ký	80A Trần Phú, Phường Lộc Sơn Thành phố Bảo Lộc Tỉnh Lâm Đồng Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

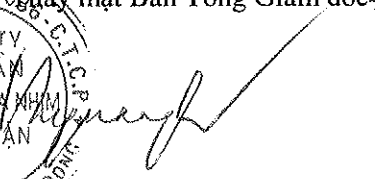
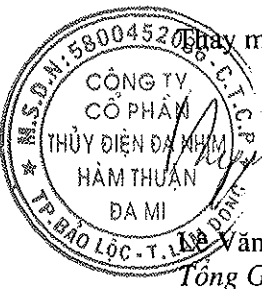
Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 40 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Chay mặt Ban Tổng Giám đốc,


Lê Văn Quang
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 5 tháng 3 năm 2018



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 5 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 40.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

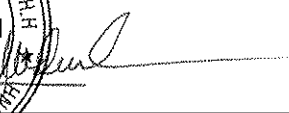
Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ nhưng muốn lưu ý tới thuyết minh 3(a)(ii) trong báo cáo tài chính riêng. Công ty áp dụng phương pháp xử lý chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo hướng dẫn tại Nghị định số 10/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 9 tháng 2 năm 2017 (“Nghị định 10”). Theo hướng dẫn của Nghị định 10, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong phần “Vốn chủ sở hữu” và sẽ được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình đi vào hoạt động thương mại. Hướng dẫn của Nghị định này có sự khác biệt so với Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014. Ảnh hưởng của việc áp dụng chính sách kế toán này đến báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được trình bày tại Thuyết minh 3(a)(ii) của báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 17-01-364




Vu Đình

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0414-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Nghi

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2018

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.780.751.676.104	2.356.905.929.516
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	449.971.259.198	50.981.654.199
Tiền	111		38.928.453.379	11.968.131.369
Các khoản tương đương tiền	112		411.042.805.819	39.013.522.830
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		268.817.781.781	1.427.005.190.482
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	268.817.781.781	1.427.005.190.482
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.025.882.117.491	790.146.513.883
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	966.769.388.835	516.046.567.861
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		12.654.469.749	194.133.819.213
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	46.505.008.907	79.966.126.809
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(46.750.000)	-
Hàng tồn kho	140	8	35.742.582.355	87.228.856.900
Hàng tồn kho	141		35.742.582.355	87.228.856.900
Tài sản ngắn hạn khác	150		337.935.279	1.543.714.052
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13(a)	324.175.940	1.529.954.713
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15(b)	13.759.339	13.759.339

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		5.549.784.700.388	5.250.594.668.051
Các khoản phải thu dài hạn	210		964.420.123.321	799.932.824.894
Trả trước cho người bán dài hạn	212		164.487.298.427	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215	9	799.932.824.894	799.932.824.894
Tài sản cố định	220		3.740.754.517.876	4.022.175.719.167
Tài sản cố định hữu hình	221	10	3.739.612.930.673	4.020.881.248.160
Nguyên giá	222		12.151.657.826.825	12.148.994.309.630
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.412.044.896.152)	(8.128.113.061.470)
Tài sản cố định vô hình	227	11	1.141.587.203	1.294.471.007
Nguyên giá	228		1.528.838.057	1.528.838.057
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(387.250.854)	(234.367.050)
Tài sản dở dang dài hạn	240		620.551.344.611	190.719.208.176
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	620.551.344.611	190.719.208.176
Đầu tư tài chính dài hạn	250		182.266.299.385	235.839.200.000
Đầu tư vào công ty con	251	5(b)	112.000.000.000	112.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252	5(b)	32.679.200.000	26.479.200.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	5(b)	37.360.000.000	37.360.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5(b)	(4.772.900.615)	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5(a)	5.000.000.000	60.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		41.792.415.195	1.927.715.814
Chi phí trả trước dài hạn	261	13(b)	41.792.415.195	1.927.715.814
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		7.330.536.376.492	7.607.500.597.567

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này


Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)


	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.810.499.391.834	2.280.531.555.036
Nợ ngắn hạn	310		266.792.177.512	671.263.762.165
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	36.643.307.240	18.568.997.082
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.126.431.388	1.758.448.904
Thuế và các khoản khác phải nộp				
Nhà nước	313	15(a)	182.443.021.202	122.595.926.914
Phải trả người lao động	314		25.579.099.929	33.698.586.341
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	14.119.491.486	25.527.301.691
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	432.356.558	2.954.388.458
Vay ngắn hạn	320	18(a)	-	461.428.186.083
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	19	6.448.469.709	4.731.926.692
Nợ dài hạn	330		1.543.707.214.322	1.609.267.792.871
Phải trả người bán dài hạn	331	14	44.361.088.013	-
Vay dài hạn	338	18(b)	1.499.346.126.309	1.609.267.792.871
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		5.520.036.984.658	5.326.969.042.531
Vốn chủ sở hữu	410	20	5.520.036.984.658	5.326.969.042.531
Vốn cổ phần	411	21	4.224.000.000.000	4.224.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		74.872.484.114	67.787.710.660
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	22	(13.698.103.037)	7.331.138.455
Quỹ đầu tư phát triển	418		44.328.129.224	20.480.114.976
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.190.534.474.357	1.007.370.078.440
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		535.454.564.938	535.454.564.938
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		655.079.909.419	471.915.513.502
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		7.330.536.376.492	7.607.500.597.567

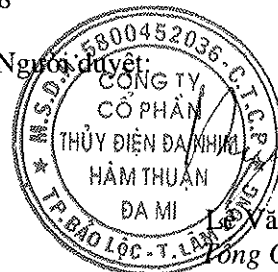
Ngày 5 tháng 3 năm 2018

Người lập:


 Lê Xuân Phong
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:


 Phạm Thị Hồng Hà
 Kế toán trưởng




 Lê Văn Quang
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

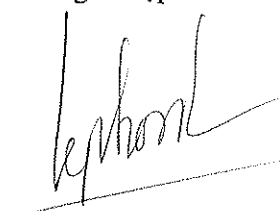
Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 02 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	1.593.214.662.682	1.332.457.562.706
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	26	765.939.858.102	687.039.386.915
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		827.274.804.580	645.418.175.791
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	132.631.361.916	161.982.436.859
Chi phí tài chính	22	28	93.841.368.617	166.886.270.161
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		37.231.753.459	63.455.833.396
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	51.761.201.545	51.192.091.197
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		814.303.596.334	589.322.251.292
Thu nhập khác	31		426.344.546	113.696.796
Chi phí khác	32		-	17.176.136
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		426.344.546	96.520.660
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		814.729.940.880	589.418.771.952
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	159.650.031.461	117.503.258.450
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		655.079.909.419	471.915.513.502

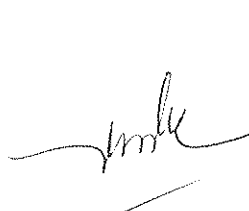
Ngày 5 tháng 3 năm 2018

Người lập:

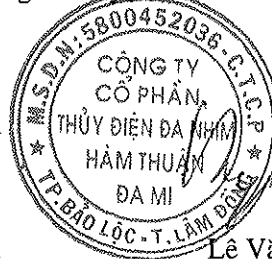


Lê Xuân Phong
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Hồng Hà
Kế toán trưởng




Lê Văn Quang
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã	Thuyết	2017	2016
	số	minh	VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		814.729.940.880	589.418.771.952
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		289.310.787.472	341.464.713.606
Các khoản dự phòng	03		4.819.650.615	(1.070.469.137)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		28.591.287.882	76.869.887.747
Lãi tiền gửi	05		(115.496.337.013)	(156.655.449.599)
Cổ tức được chia	05		(16.738.580.740)	(2.708.022.500)
Lãi từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	05		(307.425.454)	(102.437.013)
Chi phí lãi vay	06		37.231.753.459	63.455.833.396
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		1.042.141.077.101	910.672.828.452
Biến động các khoản phải thu	09		(717.420.879.022)	(416.319.047.480)
Biến động hàng tồn kho	10		51.486.274.545	(49.233.814.881)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		57.495.118.161	15.122.241.039
Biến động chi phí trả trước	12		(38.658.920.608)	13.273.981.942
			395.042.670.177	473.516.189.072
Tiền lãi vay đã trả	14		(49.086.863.046)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(184.315.580.405)	(91.338.891.371)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(16.866.182.783)	(22.144.064.038)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		144.774.043.943	360.033.233.663

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

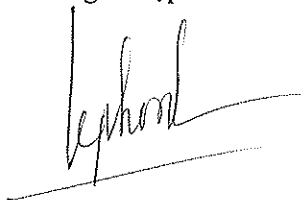
Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(331.788.937.041)	(308.367.766.078)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	307.425.454	295.454.545
Tiền chi cho vay và đầu tư tiền gửi có kỳ hạn	23	(445.838.770.100)	(1.172.702.942.919)
Tiền thu hồi cho vay và đầu tư tiền gửi có kỳ hạn	24	1.612.266.239.651	1.211.242.862.264
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(6.200.000.000)	(10.000.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27	65.874.886.147	129.323.976.246
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	894.620.844.111	(150.208.415.942)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	405.823.885.387	272.034.237.384
Tiền trả nợ gốc vay	34	(696.812.309.001)	-
Tiền trả cổ tức	36	(349.406.129.728)	(506.880.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	(640.394.553.342)	(234.845.762.616)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	399.000.334.712	(25.020.944.895)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	50.981.654.199	75.933.038.465
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(10.729.713)	69.560.629
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	449.971.259.198	50.981.654.199

Ngày 5 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Lê Xuân Phong
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:





Phạm Thị Hồng Hà
Kế toán trưởng

Lê Văn Quang
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi (“Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi) theo Quyết định số 327/QĐ-EVN ngày 24 tháng 5 năm 2010 của Tập đoàn Điện Lực Việt Nam và chính thức hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần kể từ ngày 7 tháng 10 năm 2011.

Theo Quyết định số 427/QĐ-SGDHN ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Công ty bắt đầu đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) với mã cổ phiếu là DNH. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có hơn 100 cổ đông và vốn cổ phần của Công ty là 4.224.000.000.000 VND (1/1/2017: 4.224.000.000.000 VND).

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- sản xuất, kinh doanh điện năng; quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo các thiết bị điện, các công trình thủy công, công trình kiến trúc của nhà máy thủy điện;
- kinh doanh vật tư, thiết bị; lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp;
- đầu tư xây dựng và lắp đặt công trình thủy điện, nhiệt điện, địa nhiệt, phong nhiệt, năng lượng mặt trời, dầu khí, trạm điện và đường dây tải điện đến cấp điện áp 220 KV; và
- tư vấn lập dự toán đầu tư, quản lý dự án đầu tư, lập dự toán và tổng dự toán công trình dân dụng, công nghiệp dầu khí; sản xuất, sửa chữa, thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị và phụ kiện, cấu kiện, thép bê tông và cung ứng vật tư thiết bị ngành điện.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 1 tháng 1 năm 2017, Công ty có cấu trúc như sau:

- 7 phòng ban;
- 2 phân xưởng sản xuất
- Trung tâm dịch vụ kỹ thuật – đơn vị quản lý vận hành các thiết bị điện, các công trình thủy công của nhà máy thủy điện;

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- Ban Quản lý Dự án Mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim – đơn vị quản lý giai đoạn đầu tư mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 1 công ty con và 1 công ty liên kết (1/1/2017: 1 công ty con và 1 công ty liên kết) được liệt kê trong thuyết minh 5(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 264 nhân viên (1/1/2017: 272 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty lập và phát hành riêng báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là “Nhóm Công ty”), kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND lần lượt được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyên khoản và tỷ giá bán chuyên khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Ngoại trừ chính sách kế toán áp dụng được trình bày dưới đây, các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(ii) Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia

Theo hướng dẫn tại Nghị định số 10/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 9 tháng 2 năm 2017 (“Nghị định 10”), các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong phần “Vốn chủ sở hữu” và sẽ được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình đi vào hoạt động thương mại. Hướng dẫn của Nghị định 10 có sự khác biệt so với hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) mà theo đó các khoản chênh lệch tỷ giá này phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ phát sinh.

Nếu Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản nhất quán theo Thông tư 200 qua các năm thì chi phí tài chính sẽ tăng 21.029.241.492 VND, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành sẽ giảm 4.205.848.298 VND và lợi nhuận thuần sau thuế sẽ giảm 16.823.393.194 VND cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016: chi phí tài chính sẽ giảm 7.331.138.455 VND, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành sẽ tăng 1.466.227.691 VND và lợi nhuận thuần sau thuế sẽ tăng 5.864.910.764 VND), số chênh lệch tỷ giá thể hiện ở tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” sẽ tăng 13.698.103.037 VND, thuế và các khoản phải nộp Nhà nước sẽ giảm 2.739.620.607 VND và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” sẽ giảm 10.958.482.430 VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: số chênh lệch tỷ giá thể hiện ở tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” sẽ giảm 7.331.138.455 VND, thuế và các khoản phải nộp Nhà nước sẽ tăng 1.466.227.691 VND và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” sẽ tăng 5.864.910.764 VND).

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	10 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	8 – 10 năm
▪ phương tiện vận tải	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản cố định khác	3 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng dở dang là giá trị các công trình đầu tư xây dựng và sửa chữa lớn dở dang tại Công ty được xác định trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh đến cuối kỳ đối với các công trình tự làm hoặc theo khối lượng thực tế thanh toán với bên thi công trên cơ sở hoá đơn cho khối lượng hoàn thành hoặc hạng mục bàn giao đối với các công trình thuê bên ngoài thực hiện. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí trực tiếp khác, chi phí chung được phân bổ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với quy định hiện hành. Xây dựng cơ bản dở dang được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được tính phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu đồng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển của Công ty được trích lập và sử dụng theo Nghị định 10 về quy chế quản lý tài chính của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính căn cứ theo Thông tư số 220/2013/TT-BTC Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2013.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh điện và hoạt động khác là kinh doanh các dịch vụ khác liên quan đến lĩnh vực điện. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc cùng ngày chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tiền mặt	175.045.962	131.121.257
Tiền gửi ngân hàng	38.753.407.417	11.837.010.112
Các khoản tương đương tiền	411.042.805.819	39.013.522.830
	<hr/>	<hr/>
	449.971.259.198	50.981.654.199

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng bằng USD và VND có kỳ hạn 1 và 3 tháng kể từ ngày gửi, hưởng lãi suất năm lần lượt là 0% và 6,6% trong năm (2016: lần lượt là 0% và 6,5% trong năm).

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

5. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn trên 3 tháng kể từ ngày gửi và thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày báo cáo, hưởng lãi suất năm dao động từ 6% đến 6,6% trong năm (2016: 3,8% đến 6,9% trong năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn phản ánh khoản đầu tư trái phiếu ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam phát hành ngày 14 tháng 11 năm 2017 có kỳ hạn 10 năm kể từ ngày phát hành. Lãi suất áp dụng là lãi suất tham chiếu cộng với biên độ 1,2%/năm. Trong đó lãi suất tham chiếu là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND có kỳ hạn 12 tháng của 4 ngân hàng gồm: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tại ngày xác định lãi suất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn còn lại trên 12 tháng kể từ ngày báo cáo, hưởng lãi suất 6,8% một năm.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2017				1/1/2017							
	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi số/giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi số/giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con												
▪ Công ty Cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha (i)	11.200.000	71,8%	70%	112.000.000.000	-	(*) 11.200.000	11.200.000	75,1%	70%	112.000.000.000	-	(*)
Đầu tư vào công ty liên kết												
▪ Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình (ii)	3.267.920	20%	20%	32.679.200.000	(4.772.900.615)	(*) 2.647.920	2.647.920	17%	20%	26.479.200.000	-	(*)
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác												
▪ Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	2.579.069	3,3%	3,3%	24.560.000.000	-	(*) 2.579.069	2.579.069	3,3%	3,3%	24.560.000.000	-	(*)
▪ Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	1.280.000	1%	1%	12.800.000.000	-	(*) 1.280.000	1.280.000	1%	1%	12.800.000.000	-	(*)
				37.360.000.000	-		37.360.000.000			37.360.000.000	-	
				182.039.200.000	(4.772.900.615)		182.039.200.000			175.839.200.000	-	

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.
- (i) Công ty Cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha (“Hạ Sông Pha”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4500407954 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 28 tháng 12 năm 2009. Hoạt động chính của Hạ Sông Pha là xây dựng các công trình thủy điện, phong điện và các công trình nhà máy điện khác; sản xuất và kinh doanh điện năng.
- (ii) Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình (“Thuận Bình”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3400675644 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp ngày 16 tháng 1 năm 2009. Hoạt động chính của Thuận Bình là sản xuất, truyền tải và kinh doanh điện năng.

Biến động của dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	2017	2016
	VND	VND
Số dư đầu năm	-	698.363.237
Trích lập dự phòng trong năm	4.772.900.615	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(698.363.237)
	4.772.900.615	-
Số dư cuối năm	4.772.900.615	-

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Công ty Mua bán điện	963.256.374.150	510.983.001.009
Các khách hàng khác	3.513.014.685	5.063.566.852
	966.769.388.835	516.046.567.861
	966.769.388.835	516.046.567.861

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Công ty Mua bán điện	963.256.374.150	510.983.001.009
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 3	1.107.867.130	4.318.429.953
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam	7.604.300	-
	971.968.545.580	515.301.430.962

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi là từ 30 - 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

7. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	45.393.333.553	79.906.522.226
Thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa kê khai	211.167.440	-
Phải thu khác	900.507.914	59.604.583
	46.505.008.907	79.966.126.809

8. Hàng tồn kho

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Nguyên vật liệu	34.299.358.113	85.977.921.078
Công cụ và dụng cụ	547.232.593	317.236.208
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	895.991.649	933.699.614
	35.742.582.355	87.228.856.900

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Phải thu về cho vay

Điều kiện và điều khoản của các khoản phải thu về cho vay dài hạn như sau:

	Tiền tệ	Năm đáo hạn	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Phải thu về cho vay				
Tổng Công ty Phát điện 1				
Khoản cho vay 1	VND	2019	200.000.000.000	200.000.000.000
Khoản cho vay 2	VND	2020	150.000.000.000	150.000.000.000
Khoản cho vay 3	VND	2020	449.932.824.894	449.932.824.894
			799.932.824.894	799.932.824.894

Các khoản phải thu về cho vay Tổng Công ty Phát điện 1, công ty mẹ, không có đảm bảo và có thời hạn cho vay là 5 năm. Lãi suất được xác định bằng lãi suất huy động tiền gửi kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của Hội sở chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại ngày xác định lãi suất cộng với biên độ 2,5%/năm. Trong năm, các khoản phải thu về cho vay này hưởng lãi suất năm dao động từ 8,5% đến 9%/năm (2016: 8,5% đến 9%/năm). Nợ gốc vay được thanh toán một lần vào ngày đáo hạn khoản vay.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	8.000.459.198.938	4.055.558.987.940	55.136.159.362	37.586.082.883	253.880.507	12.148.994.309.630
Tăng trong năm	-	4.038.322.000	2.504.538.181	1.346.726.000	-	7.889.586.181
Thanh lý	-	-	(5.226.068.986)	-	-	(5.226.068.986)
Phân loại lại	-	(13.147.529.660)	8.064.097.405	5.083.432.255	-	-
Số dư cuối năm	8.000.459.198.938	4.046.449.780.280	60.478.725.962	44.016.241.138	253.880.507	12.151.657.826.825
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	4.180.409.440.832	3.875.697.504.994	38.820.625.240	32.931.609.897	253.880.507	8.128.113.061.470
Khấu hao trong năm	175.823.366.040	106.507.178.491	2.899.470.618	3.927.888.519	-	289.157.903.668
Thanh lý	-	-	(5.226.068.986)	-	-	(5.226.068.986)
Phân loại lại	-	(13.147.529.660)	8.064.097.405	5.083.432.255	-	-
Số dư cuối năm	4.356.232.806.872	3.969.057.153.825	44.558.124.277	41.942.930.671	253.880.507	8.412.044.896.152
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	3.820.049.758.106	179.861.482.946	16.315.534.122	4.654.472.986	-	4.020.881.248.160
Số dư cuối năm	3.644.226.392.066	77.392.626.455	15.920.601.685	2.073.310.467	-	3.739.612.930.673

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 2.880.069.741.998 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 2.885.318.628.842 VND).

Như trình bày tại Thuyết minh 18(b), các tài sản này hình thành từ các khoản đi vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực và được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay đó.

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	1.528.838.057
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	234.367.050
Khấu hao trong năm	152.883.804
Số dư cuối năm	387.250.854
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	1.294.471.007
Số dư cuối năm	1.141.587.203

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	2017 VND
Số dư đầu năm	190.719.208.176
Tăng trong năm	429.832.136.435
Số dư cuối năm	620.551.344.611

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim (*)	615.280.109.895	189.989.715.886
Các công trình khác	5.271.234.716	729.492.290
	620.551.344.611	190.719.208.176

- (*) Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim (“Dự án”) được phê duyệt đầu tư xây dựng theo Quyết định số 6934/QĐ-BCT ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương. Mục tiêu của Dự án nhằm mở rộng thêm 1 tổ máy 80MW cho Nhà máy Thủy điện Đa Nhim hiện hữu, nâng tổng công suất nhà máy từ 160MW lên 240MW. Tổng mức đầu tư dự kiến là 1.952.591.601.000 VND (tương đương 92,28 triệu USD). Nguồn vốn đầu tư của Dự án được tài trợ từ vốn vay Quỹ hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) của Chính phủ Nhật Bản (85%) và vốn đối ứng của Chính phủ Việt Nam (15%). Dự án dự kiến được hoàn thành và vận hành vào năm 2018. Tài sản hình thành từ Dự án được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay của Công ty (thuyết minh 18(b)).

13. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh chi phí bảo hiểm trả trước và các khoản lệ phí đường bộ.

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ	Khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	810.382.796	1.117.333.018	1.927.715.814
Tăng trong năm	56.130.999.528	1.301.692.872	57.432.692.400
Phân bổ trong năm	(16.936.503.105)	(631.489.914)	(17.567.993.019)
	40.004.879.219	1.787.535.976	41.792.415.195

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Các khoản phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây dựng 47	43.675.231.183	-
Viện Nghiên cứu Cơ khí	21.170.788.683	-
GE Power India Limited	8.582.100.264	-
Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Thanh An	-	13.937.348.370
Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Công Nghiệp Hưng Việt	-	2.141.336.989
Các nhà cung cấp khác	7.576.275.123	2.490.311.723
	81.004.395.253	18.568.997.082

(b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	36.643.307.240	18.568.997.082
Dài hạn	44.361.088.013	-
	81.004.395.253	18.568.997.082

(c) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	2.972.152.672	279.980.551
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	48.466.160	40.601.472
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	201.856.170
Trung tâm Viễn thông và Công nghệ Thông tin – Tập đoàn Điện Lực Việt Nam	-	166.939.785

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 - 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

15. Thuế và các khoản phải nộp và phải thu Nhà nước

(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.494.616.471	116.583.874.796	(67.566.407.054)	50.512.084.213
Thuế thu nhập doanh nghiệp	97.793.396.630	159.650.031.461	(184.315.580.405)	73.127.847.686
Thuế thu nhập cá nhân	33.571.300	4.834.699.407	(4.038.351.532)	829.919.175
Thuế tài nguyên	9.594.251.673	269.175.367.720	(245.287.802.536)	33.481.816.857
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	549.691.914	(549.691.914)	-
Các loại thuế khác	13.680.090.840	77.864.057.239	(67.052.794.808)	24.491.353.271
	122.595.926.914	628.657.722.537	(568.810.628.249)	182.443.021.202

(b) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã được hoàn trong năm VND	31/12/2017 VND
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	13.759.339	-	-	13.759.339

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Chi phí phải trả

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Chi phí lãi vay	13.148.280.937	25.470.938.055
Chi phí phải trả khác	971.210.549	56.363.636
	<hr/>	<hr/>
	14.119.491.486	25.527.301.691
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

17. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	-	239.909.384
Bảo hiểm xã hội	-	2.130.732.916
Bảo hiểm y tế	-	355.122.153
Bảo hiểm thất nghiệp	-	118.374.051
Phải trả, phải nộp khác	432.356.558	110.249.954
	<hr/>	<hr/>
	432.356.558	2.954.388.458
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2017 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm Tăng VND	Giảm VND	31/12/2017 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn đến hạn trả (b)	461.428.186.083	-	(461.428.186.083)	-

(b) Vay dài hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Vay dài hạn	1.499.346.126.309	2.070.695.978.954
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	(461.428.186.083)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	1.499.346.126.309	1.609.267.792.871

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Tiền tệ	Năm đáo hạn	Lãi suất năm	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Vay từ Tập đoàn Điện Lực Việt Nam					
Khoản vay 1 (i)	JPY	2019	3,21%	794.079.153.563	1.602.051.625.184
Khoản vay 2 (ii)	JPY	2021	2,75%	117.637.095.531	203.941.254.842
Vay từ Công ty Tài Chính Cổ phần Điện Lực					
Khoản vay 1 (iii)	JPY	2044	0,91% - 1,4%	587.629.877.215	264.703.098.928
				1.499.346.126.309	2.070.695.978.954

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Theo Hợp đồng cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản số 05/2007/ĐN/EVN/TCKT ngày 30 tháng 8 năm 2007. Khoản vay được sử dụng để đầu tư xây dựng dự án Nhà máy Thủy điện Hàm Thuận - Đa Mi và chịu lãi suất năm là 3,21%/năm. Thời hạn cho vay lại là 11 năm 6 tháng, gốc vay được thanh toán mỗi năm hai lần vào ngày 15 tháng 1 và ngày 15 tháng 7 hàng năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay (thuyết minh 10).
- (ii) Theo Hợp đồng cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản số 01/2013/EVN/TCKT ngày 20 tháng 9 năm 2013. Khoản vay được sử dụng để đầu tư dự án Phục hồi hệ thống điện Đa Nhim và chịu lãi suất năm là 2,3%/năm, phí quản lý khoản vay là 0,2%/năm và phí cho vay lại là 0,25%/năm. Thời hạn cho vay lại là 7 năm 6 tháng, gốc vay được thanh toán mỗi năm hai lần vào ngày 20 tháng 2 và ngày 20 tháng 8 hàng năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay (thuyết minh 10).
- (iii) Theo Hợp đồng cho vay lại vốn vay ưu đãi Chính phủ của Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản số 01/2015/HĐCVL/TCĐL-ĐHĐ/ĐNMR ngày 8 tháng 7 năm 2015. Khoản vay được sử dụng để đầu tư Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim và chịu lãi suất năm là 0,91%/năm đối với các khoản vay cho các hạng mục tư vấn; 1,4%/năm đối với các khoản vay cho các hạng mục xây lắp, thiết bị, và phí cho vay lại là 0,2%/năm. Thời hạn cho vay lại là 25 năm trong đó có thời gian ân hạn là 5 năm kể từ ngày 28 tháng 2 năm 2014, gốc vay được thanh toán mỗi năm hai lần vào ngày 20 tháng 1 và ngày 20 tháng 7 hàng năm sau khi kết thúc thời gian ân hạn, ngày trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 20 tháng 1 năm 2019. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay (thuyết minh 12) và tài sản Nhà máy Thủy điện Đa Nhim hiện hữu công suất lắp máy 160MW (thuyết minh 10).

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2017	2016
	VND	VND
Số dư đầu năm	4.731.926.692	8.128.770.980
Trích lập trong năm	18.582.725.800	18.747.219.750
Sử dụng trong năm	(16.866.182.783)	(22.144.064.038)
Số dư cuối năm	6.448.469.709	4.731.926.692

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	4.224.000.000.000	41.344.567.181	-	29.710.795.559	867.094.247.584	5.162.149.610.324
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	471.915.513.502	471.915.513.502
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	-	(295.680.000.000)	(295.680.000.000)
Chuyển nguồn hình thành tài sản cố định	-	26.443.143.479	-	(26.443.143.479)	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	17.212.462.896	(17.212.462.896)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(18.747.219.750)	(18.747.219.750)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái (Thuyết minh 22)	-	-	7.331.138.455	-	-	7.331.138.455
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	4.224.000.000.000	67.787.710.660	7.331.138.455	20.480.114.976	1.007.370.078.440	5.326.969.042.531
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	655.079.909.419	655.079.909.419
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	-	(422.400.000.000)	(422.400.000.000)
Chuyển nguồn hình thành tài sản cố định	-	7.084.773.454	-	(7.084.773.454)	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	30.932.787.702	(30.932.787.702)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(18.582.725.800)	(18.582.725.800)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái (Thuyết minh 22)	-	-	(21.029.241.492)	-	-	(21.029.241.492)

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	4.224.000.000.000	74.872.484.114	(13.698.103.037)	44.328.129.224	1.190.534.474.357	5.520.036.984.658
--	-------------------	----------------	------------------	----------------	-------------------	-------------------

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là :

	31/12/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	422.400.000	4.224.000.000.000	422.400.000	4.224.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	422.400.000	4.224.000.000.000	422.400.000	4.224.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Chi tiết vốn cổ phần của Công ty như sau:

	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	VND
Tổng Công ty Phát điện 1 – Công ty TNHH Một thành viên	99,93%	422.103.100	4.221.031.000.000
Các cổ đông khác	0,07%	296.900	2.969.000.000
	100%	422.400.000	4.224.000.000.000

Không có biến động vốn cổ phần trong các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016.

22. Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh khoản lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm liên quan đến xây dựng cơ bản Dự án mở rộng Nhà máy Đa Nhim. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ được phân bổ dần vào báo cáo kết quả kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi dự án này đi vào hoạt động thương mại phù hợp với hướng dẫn tại Nghị định 10 (thuyết minh 3(a)(ii)).

23. Cổ tức

Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông Công ty vào 14 tháng 6 năm 2017 đã quyết định phân phối khoản cổ tức 422,4 tỷ VND (2016: 506 tỷ VND).

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

24. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Ngoại tệ các loại

	31/12/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	267.540,88	6.062.448.263	263.196,33	6.073.177.976

(b) Cam kết chi tiêu vốn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	2.040.629.186.689	2.044.959.362.518
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	605.708.951.521	1.030.246.974.306
	2.646.338.138.210	3.075.206.336.824

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu bao gồm:

	2017 VND	2016 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán điện	1.576.312.192.426	1.323.027.327.498
▪ Cung cấp dịch vụ	16.902.470.256	9.430.235.208
	1.593.214.662.682	1.332.457.562.706

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Giá vốn hàng bán

	2017	2016
	VND	VND
Giá vốn bán điện	754.107.551.854	679.331.847.584
Giá vốn của dịch vụ đã cung ứng	11.832.306.248	7.707.539.331
	765.939.858.102	687.039.386.915
	765.939.858.102	687.039.386.915

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	2017	2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi và cho vay	115.496.337.013	156.655.449.599
Cổ tức, lợi nhuận được chia	16.738.580.740	2.708.022.500
Lãi chênh lệch tỷ giá	396.444.163	2.618.964.760
	132.631.361.916	161.982.436.859
	132.631.361.916	161.982.436.859

28. Chi phí tài chính

	2017	2016
	VND	VND
Chi phí lãi vay	37.231.753.459	63.455.833.396
Lỗ chênh lệch tỷ giá do thanh toán	23.245.426.661	27.258.912.255
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	28.591.287.882	76.869.887.747
Trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư (Thuyết minh số 5(b))	4.772.900.615	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(698.363.237)
	93.841.368.617	166.886.270.161
	93.841.368.617	166.886.270.161

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân công	33.580.080.613	31.794.711.985
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.444.049.820	2.241.106.506
Thuế, phí và lệ phí	826.219.136	2.009.220.071
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	673.709.168	701.337.335
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	454.622.347	563.046.975
Chi phí dự phòng/(hoàn nhập dự phòng)	46.750.000	(372.105.900)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.960.585.388	8.888.971.098
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	5.775.185.073	5.365.803.127
	51.761.201.545	51.192.091.197

30. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	33.397.883.797	34.716.785.778
Chi phí nhân công	99.060.139.358	96.123.167.656
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	454.622.347	563.046.975
Chi phí khấu hao tài sản cố định	289.310.787.472	341.464.713.606
Thuế, phí và lệ phí	345.298.787.247	214.791.548.536
Chi phí dự phòng/(hoàn nhập dự phòng)	46.750.000	(372.105.900)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.802.563.690	28.668.797.229
Chi phí khác	24.291.817.771	22.665.346.323
	347.641.867.882	347.641.867.882

31. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2017 VND	2016 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	159.619.378.631	117.503.258.450
Dự phòng thiếu trong những năm trước	30.652.830	-
	159.650.031.461	117.503.258.450

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	814.729.940.880	589.418.771.952
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	162.945.988.176	117.883.754.390
Thu nhập không bị tính thuế	(3.347.716.148)	(541.604.500)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	2.309.330	(14.974.114)
Chi phí không được khấu trừ thuế	18.797.273	176.082.674
Dự phòng thiếu trong năm trước	30.652.830	-
	159.650.031.461	117.503.258.450

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế (2016: 20%).

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch cho năm	
	2017 VND	2016 VND
Công ty mẹ cấp cao nhất		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Mua điện	2.083.140.586	2.269.253.458
Chi phí lãi vay	32.932.313.876	63.455.833.396
Khoản vay đã trả	922.856.372.166	441.768.927.926
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Phát điện 1		
Cho công ty mẹ vay vốn	-	84.411.447.015
Lãi vay phải thu trong năm	72.993.870.272	70.769.744.103
Công ty con		
Công ty Cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha		
Cung cấp dịch vụ	855.962.421	1.324.757.825
Cổ tức được chia	8.960.000.000	-

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch cho năm	
	2017	2016
	VND	VND
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình		
Góp vốn	6.200.000.000	10.000.000.000
Các bên liên quan khác		
Công ty Mua Bán Điện		
Bán điện	1.576.312.192.426	1.323.027.327.498
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực		
Vay	300.689.098.246	271.716.440.480
Chi phí lãi vay	3.234.787.141	317.796.904
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương		
Cổ tức được chia	4.771.277.700	2.708.022.500
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ		
Cổ tức được chia	3.007.303.040	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3		
Cung cấp dịch vụ	327.289.751	4.240.137.454
Ứng trước hợp đồng dịch vụ	-	349.437.000
Nhận ứng trước hợp đồng dịch vụ	-	199.937.130
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2		
Ứng trước hợp đồng xây dựng cơ bản	1.652.211.901	680.684.533
Trung tâm Viễn thông và Công nghệ thông tin – Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Chi phí dịch vụ	-	164.213.285
Trung tâm Thông tin Điện lực – Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Ứng trước hợp đồng dịch vụ	-	157.886.520
Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 1 – Công ty Thủy điện Đồng Nai		
Cung cấp dịch vụ	-	119.072.625
Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 1 – Công ty Thủy điện Đại Ninh		
Cung cấp dịch vụ	63.299.570	333.989.771
Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam		
Cung cấp dịch vụ	-	19.678.000

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)


	Giá trị giao dịch cho năm	
	2017	2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Trung Cung cấp dịch vụ	509.281.000	365.671.824
Công ty Thí nghiệm Điện Miền Nam Cung cấp dịch vụ	15.400.000	12.600.000
Chi nhánh Công ty cổ phần Thủy điện miền Nam tại Lâm Đồng Cung cấp dịch vụ	30.326.000	86.747.500
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 Chi phí dịch vụ	3.253.597.805	137.725.671
Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị Tiền lương và thù lao	1.731.041.000	1.140.264.000

33. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2017	2016
	VND	VND
Mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang chưa thanh toán	109.373.369.451	3.440.583.876
Thanh toán gốc vay bằng cách cân trừ với khoản phải thu khách hàng	253.655.590.943	441.768.927.926
Thanh toán gốc vay bằng cách cân trừ với tiền gửi có kỳ hạn	74.288.472.222	-
Chi trả cổ tức bằng cách cân trừ với lãi vay phải thu	72.993.870.272	-
Lãi tiền gửi có kỳ hạn vốn hóa vào nợ gốc	27.879.350.007	40.819.152.324
Thanh toán lãi vay bằng cách cân trừ với tiền gửi có kỳ hạn	350.000.000	-

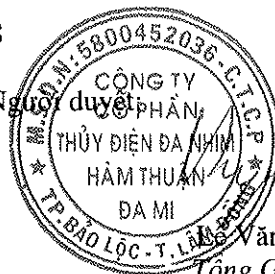
Ngày 5 tháng 3 năm 2018

Người lập:


Lê Xuân Phong
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:


Phạm Thị Hồng Hà
 Kế toán trưởng




Trần Văn Quang
 Tổng Giám đốc